

NHẬN THỨC MỚI VỀ MÔ HÌNH CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM QUA CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

GS, TSKH PHAN XUÂN SƠN
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Chế độ chính trị (Political Regime) là tổng hợp các cơ chế, phương thức, quan hệ chính trị được thiết lập và sử dụng vào một giai đoạn lịch sử nhất định, trong tổ chức và vận hành hệ thống chính trị, nhằm hiện thực hóa quyền lực chính trị và mục tiêu chính trị.

Nhận thức của Đảng ta về nội dung chính trị và chế độ chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đã có những bước phát triển, đổi mới quan trọng, mang tính độc lập. Có thể nói sự kế thừa, phát triển, đổi mới đó đã đưa nhận thức của Đảng về nội dung chính trị của thời kỳ quá độ từ mô hình “dân chủ nhân dân” sang “chuyên chính vô sản” (tập trung - quan liêu) đến “dân chủ - pháp quyền xã hội chủ nghĩa”.

Từ khóa: Chế độ chính trị; Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Cương lĩnh chính trị.

1. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những tiếp cận mới của Đảng về chế độ chính trị

Thời kỳ quá độ (TKQĐ) lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở bất kỳ một nước nào, trong đó có Việt Nam là một thời kỳ dài, thậm chí rất dài. Trong thời kỳ này, hệ thống chính trị (HTCT) được thiết lập sau khi giành được độc lập dân tộc, hoặc sau cuộc cách mạng xã hội thành công, có thể không thay đổi nhiều, nhưng chế độ chính trị (CĐCT) có thể thay đổi căn bản qua từng giai đoạn lịch sử khác nhau, vì những mục tiêu chính trị khác nhau. Ở nước ta, nếu tính từ sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay,

HTCT về cơ bản không thay đổi, nhưng mục tiêu, cơ chế, phương thức tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước, tức CĐCT, đã có những thay đổi, phụ thuộc vào đặc điểm, mục đích, yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng.

Phân tích sự đổi mới mô hình CĐCT trong TKQĐ ở nước ta, chủ yếu là phân tích cơ chế, phương thức, quan hệ chính trị trong hoạt động của HTCT, mà trung tâm là Nhà nước, nhằm đạt được mục tiêu chính trị mà Đảng đã vạch ra.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, đặc biệt là từ sau thành công của Cách mạng Tháng Tám, trở thành đảng cầm quyền,

Đảng ta luôn đổi mới cách tiếp cận về nội dung của CDCT trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam.

Nội dung chính trị của TKQĐ lên CNXH đều được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định rằng, không có gì khác hơn là thực hiện chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản, là đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp tư sản, xây dựng chính quyền của giai cấp công nhân (GCCN), tạo ra các tiền đề chính trị để xây dựng một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa (XHCN).

Ở Việt Nam, từ năm 1946 đến năm 1975, Đảng ta xác định: CDCT nước ta cơ bản là “dân chủ nhân dân”. Từ năm 1976, khi đất nước đã thống nhất, cả nước cùng quá độ lên CNXH, do bối cảnh lịch sử, mục tiêu cách mạng thay đổi, Đảng cũng có cách tiếp cận mới về CDCT. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (sau này được chế định trong Hiến pháp 1980, được cụ thể hóa thêm tại Đại hội lần thứ VI), Đảng ta xác định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước chuyên chính vô sản”¹. Đến Đại hội VI, nội dung chủ yếu của chế độ chuyên chính vô sản được xác định rõ².

Sau một nhiệm kỳ thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 1991), đất nước đã đạt được những thành tựu kinh tế khá rõ ràng, tư duy kinh tế đã phát triển có tính bước ngoặt. Từ chỗ phủ nhận kinh tế hàng hóa, thị trường, đến thừa nhận và áp dụng vào đời sống kinh tế - xã hội. Điều đó đòi hỏi phải có đổi mới tư duy về chính trị. Yêu cầu về đổi mới chính trị bước đầu được đáp ứng tại Đại hội VII của Đảng (1991). Đây là Đại hội diễn ra trong bối cảnh hết sức phức tạp: Nước ta vừa kết thúc hai cuộc chiến tranh biên giới, đang trong tình trạng bị bao vây, cấm vận, đời sống nhân dân ta còn gặp nhiều khó khăn; hệ thống XHCN thế giới sụp đổ từng mảng lớn, Liên Xô đang ở trong tình trạng khủng hoảng

kinh tế - xã hội nghiêm trọng, đứng trên bờ vực sụp đổ (và sụp đổ chỉ 2 tháng sau khi Đại hội VII của Đảng ta kết thúc).

Trong bối cảnh đó, Đại hội VII vẫn khẳng định con đường phát triển XHCN, phát huy những thành tựu trong đổi mới kinh tế, đặt ra một cách nghiêm túc và thận trọng việc đổi mới chính trị, khắc phục những sai lầm cũ, cụ thể hóa và phát triển nhiều luận điểm về nội dung chính trị trong TKQĐ lên CNXH.

Những quan điểm, chủ trương đổi mới tư duy chính trị thông qua tại Đại hội VII, đặc biệt là Cương lĩnh xây dựng đất nước trong TKQĐ lên CNXH, sau đó được tiếp tục phát triển qua Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1994), qua 5 kỳ Đại hội Đảng, mà gần nhất là Đại hội XII (2016), qua một lần bổ sung phát triển Cương lĩnh chính trị 1991 (vào năm 2011), qua ba lần sửa đổi Hiến pháp (1992, 2001 và 2013), cùng nhiều nghị quyết, chủ trương khác của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đã dần hình thành những quan điểm mới, có tính hệ thống về một mô hình CDCT của Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH. Những nội dung đó vừa có tính kế thừa, vừa có yếu tố phát triển (tiệm tiến và đột phá), vừa mang tính đổi mới, sáng tạo với những nội dung chủ yếu sau:

1) *Mục tiêu chung*: Xây dựng một nước Việt Nam XHCN dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2) *Mục tiêu chính trị*: Xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Cương lĩnh 2011 coi: “*Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước”³.

Nền dân chủ đó ngày càng mở rộng về nội dung và hình thức. Từ “quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động” và “chuyên chính vô sản” thành “mọi quyền lực nhà nước

thuộc về nhân dân” và “nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”. Nói cách khác, CĐCT ở nước ta kể từ khi giành được độc lập năm 1945 đến nay, đã phát triển từ “dân chủ nhân dân”, sang “chuyên chính vô sản” đến “dân chủ - pháp quyền xã hội chủ nghĩa”.

3) *Phương thức thực thi quyền lực của nhân dân*: Phương thức quan trọng thực thi quyền lực của nhân dân ở nước ta là bằng các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp; coi trọng và thể chế hóa dân chủ ở cơ sở để tổ chức và vận hành Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Cương lĩnh 2011 ghi rõ: “Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”⁴.

Với *Quy chế thực hiện dân chủ ở xã* (gọi tắt là Quy chế) (1998) và *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* (gọi tắt là Pháp lệnh) (2007) đã đưa nội dung của dân chủ trực tiếp ở nước ta thành thể chế, thành quy phạm pháp luật và tạo những điều kiện cần thiết cho các chủ thể của đời sống chính trị ở cơ sở tập dượt và thực hành dân chủ. Dân chủ cơ sở đã góp phần sàng lọc, đào tạo một đội ngũ cán bộ gắn bó với nhân dân, vì nhân dân, loại bỏ được những phần tử cơ hội, cá nhân chủ nghĩa trong chính quyền cơ sở, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh trong sạch. Khi sinh hoạt chính trị ở cơ sở thành tập quán dân chủ, chúng ta sẽ có chế

độ dân chủ ở từng cơ sở, và rộng hơn ở toàn quốc. Đó là thành trì bền vững, thành trì lòng dân cho CĐCT.

4) *Lực lượng của chế độ chính trị*: Cương lĩnh chính trị của Đảng không chỉ khẳng định địa vị chủ thể mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, mà còn mở rộng khái niệm nhân dân. Coi toàn thể nhân dân Việt Nam (không chỉ là GCCN, nông dân tập thể và trí thức XHCN như trước đây), không phân biệt giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, nam nữ, già trẻ. Một bài học về nhân dân được Cương lĩnh chỉ rõ: “*Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”⁵. Do vậy, cần phải phát huy sức mạnh của nhân dân trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hướng tới “*Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi*”⁶.

Đồng thời, cần xây dựng một Nhà nước phục vụ nhân dân, “*thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân*”⁷.

5) *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một tổ chức để nhân dân làm chủ*: Ngoài làm chủ thông qua Nhà nước pháp quyền XHCN, nhân dân Việt Nam còn làm chủ thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội, tổ

chức xã hội - nghề nghiệp khác... Đây là một nhân tố độc đáo, đặc thù của CĐCT ở nước ta.

Là tổ chức liên minh, liên hiệp chính trị - xã hội rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò rất quan trọng trong bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hành dân chủ bằng nhiều hình thức từ tham gia, phối hợp tham gia các hoạt động chính trị, đến giám sát phản biện xã hội, xây dựng đồng thuận xã hội và đại đoàn kết toàn dân tộc.

6) Là Đảng cầm quyền, lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của GCCN, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của GCCN, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng lãnh đạo HTCT, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Phương thức lãnh đạo của Đảng được Cương lĩnh 1991 nêu rõ⁸.

7) Cơ chế chung của chế độ chính trị: Trong tất cả các quan hệ của HTCT nước ta, mỗi quan hệ “Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý”, có ý nghĩa quan trọng, mang tính đặc trưng cho mô hình dân chủ XHCN ở Việt Nam. Vì thế, ngay từ Đại hội IV, Đảng ta đã chú ý giải quyết mỗi quan hệ này. Trong Nghị quyết Đại hội VI (1986), Đảng ta đã chủ trương xây dựng mỗi quan hệ đó “thành cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội”⁹. Cương lĩnh 2011 nhấn mạnh: phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn, giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ¹⁰.

Đây là một cơ chế giải quyết 3 mối quan hệ chính trị cơ bản nhất ở Việt Nam hiện nay,

đó là quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, là giải quyết những vấn đề bản chất nhất của nền dân chủ XHCN, chế độ chính trị mà chúng ta xây dựng trong TKQĐ. Để cho cơ chế này hoạt động tốt, có hiệu quả, phải vừa tạo ra động lực cho từng nhân tố và phối hợp hoạt động nhịp nhàng giữa ba nhân tố, lại phải vừa kiểm soát quyền lực trong từng nhân tố nói riêng và kiểm soát lẫn nhau trong tổng thể nói chung.

8) Giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: Các mối quan hệ lớn mà Cương lĩnh 2011 chỉ ra một mặt phản ánh mỗi quan hệ tùy thuộc lẫn nhau giữa CĐCT và chế độ kinh tế, mặt khác, cho thấy vai trò quan trọng, thậm chí là quyết định trực tiếp của CĐCT đến chất lượng phát triển kinh tế - xã hội, quyết định trực tiếp đến tính chất định hướng XHCN trong TKQĐ ở nước ta. Đó là: “quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;...”¹¹.

9) Các quan hệ chính trị, các cơ chế và nguyên tắc vận hành cụ thể của HTCT: Ngoài “cơ chế chung” và các “quan hệ lớn”, trong CĐCT nước ta, HTCT được tổ chức và vận hành theo hàng loạt quan hệ cơ chế và nguyên tắc cụ thể khác. Các quan hệ: giữa người có quyền và người được ủy quyền, giữa các cấp theo chiều ngang, theo chiều dọc, giữa bên trong và bên ngoài... Về các cơ chế: Cơ chế mệnh lệnh hành chính, cơ chế tổ chức (thể chế), cơ chế thông tin, tư vấn; cơ chế kiểm soát quyền lực... Các nguyên tắc

cơ bản cũng được nêu rõ trong Cương lĩnh chính trị của Đảng, chế định trong Hiến pháp, như: Mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; tập trung dân chủ; quyền lực nhà nước là thống nhất, có phân công phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực thi các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; lãnh đạo tập thể cá nhân phụ trách... Riêng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam còn có nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, thống nhất và phối hợp hành động...

2. Một số nhận xét chung

Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về nội dung chính trị và CDCT trong TKQĐ lên CNXH, mà nội dung cốt lõi là phát triển và cụ thể hoá nội hàm của phạm trù dân chủ XHCN đã có những bước phát triển, đổi mới quan trọng, nếu không nói là nhảy vọt, mang tính độc lập. Sự phát triển, đổi mới và cụ thể hóa đó, ở mức độ nhất định phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và văn hoá chính trị nước ta, tiếp thu những thành tựu văn minh chính trị của nhân loại; góp phần khắc phục được tư duy giáo điều, xơ cứng về đấu tranh giai cấp trong TKQĐ, khắc phục quan điểm biệt phái, cực đoan hẹp hòi; đã đưa vấn đề đại đoàn kết dân tộc thành động lực phát triển đất nước, chủ trương xây dựng sự đồng thuận xã hội... Có thể nói, sự kế thừa, phát triển, đổi mới đó đã đưa nhận thức của Đảng về nội dung chính trị của TKQĐ từ mô hình “dân chủ nhân dân” sang “chuyên chính vô sản” (tập trung - quan liêu) đến “dân chủ - pháp quyền xã hội chủ nghĩa”.

Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN dẫn đến nhiều thành phần, cơ cấu xã hội nước ta cũng thay đổi. Từ đó, quan niệm về nội dung và hình thức của đấu tranh giai cấp cũng thay đổi. Cương lĩnh của Đảng khẳng định: Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng XHCN.

Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ cách tiếp cận mới đó, chúng ta có điều kiện đề đặt ra, tổng kết và giải quyết hàng loạt vấn đề lý luận và thực tiễn có tính thời đại, như: xây dựng CNXH trong thế giới ngày nay, khi hệ thống XHCN Đông Âu sụp đổ; vấn đề độc lập dân tộc và hội nhập quốc tế; phát triển kinh tế tư nhân và bóc lột; kinh tế tri thức và sứ mệnh lịch sử của GCCN; đảng viên làm kinh tế tư nhân; định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường hiện đại, v.v..

Cách tiếp cận kế thừa, phát triển, đổi mới về CDCT trong TKQĐ lên CNXH của Đảng, đặc biệt là sau khi hệ thống XHCN Đông Âu tan rã, trong bối cảnh phát triển bùng nổ của khoa học công nghệ, toàn cầu hóa, hội nhập... cho phép phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy sức mạnh sáng tạo vĩ đại của mọi tầng lớp nhân dân vào sự nghiệp phục hưng dân tộc. Từ lập thân, lập nghiệp, khởi nghiệp, sản xuất kinh doanh... đến làm bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Nhờ cách tiếp cận khoa học, phù hợp với xu thế thời đại, chúng ta đã hòa vào dòng chảy văn minh nhân loại và được đối xử như một dân tộc văn minh, được bạn bè quốc tế tôn trọng, ủng hộ; phá thế bị bao vây, đơn độc, cô lập. Chính thái độ của cộng đồng quốc tế, của các nước trên thế giới là một chỉ số quan trọng đánh giá về CDCT của chúng ta, đặc biệt, ngày nay trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng toàn diện và sâu sắc.

3. Những vấn đề đặt ra và kiến nghị nhằm hoàn thiện chế độ chính trị ở nước ta

Thứ nhất, về vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong cơ chế chung của CDCT Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò lãnh đạo.

Quyền lực của Đảng là quyền lực chính trị, là quyền lực của một tổ chức chính trị. Đảng thực thi quyền lực chính trị của các giai cấp, tầng lớp, lực lượng xã hội mà mình đại diện bằng cách tác động vào Nhà nước, thông qua Nhà nước, bằng Nhà nước hiện thực hóa quyền, lợi ích và ý chí của lực lượng xã hội mà mình đại diện. Cho đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam, không chỉ là lực lượng lãnh đạo, mà luôn là đảng cầm quyền. Đảng một lúc phải thực thi hai loại quyền lực, quyền lực chính trị (lãnh đạo) và quyền lực nhà nước (cầm quyền).

Quyền lực lãnh đạo, có thể không chính thức, chỉ được thừa nhận bởi nhân dân, như trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền; cũng có thể chính thức, được chế định trong Hiến pháp và pháp luật. Vấn đề đã từng đặt ra, vậy Đảng lãnh đạo và cầm quyền bằng cách nào? Để tăng tính chính đáng của Đảng, một Đảng công khai, hợp pháp, vừa lãnh đạo, vừa cầm quyền được chế định trong Hiến pháp, cần xây dựng luật về sự lãnh đạo của Đảng. Đó cũng là một trong những phương thức kiểm soát quyền lực lãnh đạo của Đảng, nhất là đối với những đảng viên có chức, có quyền.

Thứ hai, Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam được tổ chức thông qua bầu cử dân chủ, nhận sự ủy quyền có điều kiện và có thời hạn của nhân dân, thực thi quyền lực nhà nước của nhân dân. Đây là hình thức dân chủ và kiểm soát quyền lực nhà nước quan trọng nhất. Bởi vì, bầu cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước liên quan đến quyền dân chủ của nhân dân và quyền lãnh đạo của Đảng. Người dân phải có quyền, trách nhiệm và điều kiện để lựa chọn những người gắn bó với vận mệnh nhân dân, sống chết với dân, còn Đảng sẽ giới thiệu người ra ứng cử. Vì vậy, quá trình bầu cử chủ yếu phải dựa vào dân, xuất phát từ dân, coi trọng sự tín nhiệm của nhân dân chứ không đơn thuần chỉ hợp

pháp hóa “quy trình” nhân sự của Đảng. Đảng nên coi trọng sử dụng những người mà dân thấy xứng đáng nhất, đáng tin cậy nhất, đưa người đó vào các vị trí quan trọng trong bộ máy của Đảng và Nhà nước. Nói cách khác là “dân bầu, Đảng dùng”. Đó là quy trình mà các đảng chính trị trong các nước dân chủ áp dụng.

Mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước dù chặt chẽ đến mức “hóa thân” vào nhau, nhưng vấn đề đặt ra là *không Đảng hóa Nhà nước và không Nhà nước hóa Đảng*. Không để “nhầm lẫn” giữa quyền lực của đảng và quyền lực của nhà nước, không để đảng trùm lên nhà nước hay nhà nước trùm lên đảng. Nếu xảy ra tình trạng đó, hệ thống quyền lực sẽ bị rối loạn, tê liệt, mặc dù nhìn bên ngoài có vẻ rất tiện dụng. Kinh nghiệm lịch sử chính trị thế giới, của mô hình Nhà nước Xô viết đã chứng minh điều đó. Như vậy, cùng với đổi mới chế độ bầu cử như đã nói, trên thực tế đảng viên của đảng sẽ “hóa thân” vào các cơ quan nhà nước, mà không cần thiết phải tổ chức một bộ máy “song trùng” như đã từng có. Chỉ trên cơ sở đó mới có thể tinh gọn bộ máy trong hệ thống tổ chức của HTCT, công tác tổ chức cán bộ mới có hiệu quả.

Để hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, cần đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Một đất nước với gần 100 triệu dân, *cần phải có một Quốc hội chuyên trách, chuyên nghiệp*. Vì vậy, đòi hỏi đại biểu Quốc hội cũng phải chuyên trách, chuyên nghiệp. Giảm tối đa đại biểu là người của các cơ quan thực hiện quyền hành pháp, tư pháp. Luật pháp trong nhà nước pháp quyền không những phải đủ về số lượng, mà còn đảm bảo về chất lượng. Luật khi ban hành phải có hiệu lực pháp lý ngay, không chờ nghị định, thông tư hoặc văn bản hướng dẫn. Hiệu lực pháp lý của luật không thể thấp hơn nghị định, thông tư hoặc các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thứ ba, giới hạn quyền lực nhà nước bằng Hiến pháp và cơ quan Bảo Hiến:

Nguyên lý của giới hạn quyền lực của nhà nước là nhà nước, cơ quan nhà nước chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép. Nhà nước Việt Nam nên tập trung thực hiện chức năng công quyền, kiến tạo phát triển, thực hiện chức năng quản lý nhà nước, không trực tiếp thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, hay hoạt động văn hóa nghệ thuật, y tế, giáo dục... Nhà nước có thể bảo trợ các đơn vị đó, nhưng không nên biến các cơ sở đó thành cơ quan nhà nước. Chỉ có như vậy, thì mới tổ chức bộ máy nhà nước mới thực sự là cơ quan công quyền. Công chức, viên chức nhà nước được bố trí theo vị trí việc làm trong bộ máy công quyền mới thực sự được hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Hiện nay, sự tiến bộ nhận thức về kiểm soát quyền lực, đã bắt đầu phát huy tác dụng nhất định trong thực tiễn. Tuy nhiên, chúng ta chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp. Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy Nhà nước pháp quyền XHCN như: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, hệ thống tư pháp còn những điểm chưa thực sự hợp lý, hiệu lực, hiệu quả. Vì vậy, đặc biệt quan trọng là *phải có một cơ chế bảo hiến*. Cần khẩn trương xây dựng cơ quan bảo hiến thực sự.

Thứ tư, về dư luận xã hội và trưng cầu dân ý

Hiện nay, ở nước ta, nhân dân có rất nhiều phương thức, phương tiện để tham gia công việc nhà nước. Ngoài các thể chế được chế định bởi Hiến pháp, pháp luật, nhân dân còn các công cụ khác, như thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp; thông qua quyền khiếu nại tố cáo, qua hệ thống phương tiện truyền thông

và mạng xã hội... Tổng hợp từ tất cả các loại hình đó, nhân dân có thể tham gia chính trị bằng dư luận xã hội, mà ngày nay các trang mạng xã hội đã trở thành công cụ rất lợi hại. Dư luận xã hội, trong đó có tranh luận công cộng, Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội phải tham gia vào các cuộc tranh luận này, thông qua trách nhiệm giải trình, quyền tiếp cận thông tin, quản trị truyền thông... dư luận xã hội sẽ hình thành theo hướng lành mạnh. Đó là cơ sở để thực hiện Trưng cầu dân ý, quyền dân chủ trực tiếp có hiệu lực pháp lý cao nhất. Đây là vấn đề đã được chế định trong Hiến pháp 1946, chủ trương từ Đại hội VI của Đảng nên cần sớm thể chế hóa, luật hóa hoàn thiện các quyền của công dân qua chế định của Hiến pháp và pháp luật □

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, H., 1977, tr.132. (Xem thêm: *Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, năm 1980, Chương 1, Điều 2).

² Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, H., 1987, tr.109.

^{3, 4, 5, 6, 7, 11} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG, H., 2011, tr.84-85; 85; 65; 80; 86; 72-73.

⁸ Xem: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nguồn: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới* (Đại hội VI, VII, VIII, IX). Nxb. CTQG, H., 2005, tr.329-330.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, H., 1987, tr.109.

¹⁰ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG, H., 2011, tr.72-73.